TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN ĐỀ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2018/HNGĐ-ST.

Ngày: 24 – 4 – 2018

"V/v ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN ĐỀ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Hoàng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Trần Huy Tùng.

2/ Ông Diệp Hồng Châu.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Đặng Thị Ngọc Trân, cán bộ Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Kiến Thức, Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 38/2018/TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2018 về vụ "Ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2018/QĐXXST–HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Võ Thị Ngọc T, sinh năm 1992 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Q, xã T, huyện C, tỉnh S.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn E, sinh năm 1984 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã B, huyện Đ, tỉnh S.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Võ Thị Ngọc T trình bày:

Chị T với anh Nguyễn Văn E kết hôn với nhau năm 2011 (đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Đ số 28 ngày 28 tháng 01 năm 2011). Sau khi kết hôn chị Thu và anh E về sống tại ấp T, xã B, huyện Đ, tỉnh S. Thời gian đầu thì cả hai sống hạnh phúc đến tháng 12/2015 thì hai người phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không còn hợp nhau và hai người đã ly thân. Từ khi ly thân chị T về sống cùng cha, mẹ ruột tại số 192, ấp Q, xã T, huyện C, tỉnh S.

Trong quá trình chung sống chị T và anh E có một con chung tên Nguyễn Ngọc Ka T1, sinh ngày 25/3/2012, hiện cháu đang sống cùng chị T.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Võ Thị Ngọc T yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn E.

Về con chung: Yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu anh E cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã ban hành thông báo thụ lý số 38/TB-TLVA ngày 06 tháng 3 năm 2018, tống đạt hợp lệ cho bị đơn anh Nguyễn Văn E nhưng anh E không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị Ngọc T. Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ hai lần đối với anh E để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh E đều vắng mặt không có lý do. Tòa án đã lập biên bản về việc vắng mặt anh E và không tiến hành hòa giải được và anh E cũng không có lời khai trong hồ sơ vụ án. Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định. Tính đến ngày Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử, vụ án còn trong thời hạn chuẩn bị xét xử theo điểm a khoản 1 Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Áp dụng Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Về hôn nhân: Cho chị T ly hôn với anh E. Về con chung: Giao cho chị T nuôi dưỡng con chung, anh E không cấp dưỡng cho con. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không tranh chấp nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Võ Thị Ngọc T có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt. Tại phiên tòa hôm nay anh Nguyễn Văn E mặc dù đã được tống đạt giấy triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không rõ lý do. Do đó Tòa án căn cứ vào khoản 1 Điều 228 và điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt đối với chị T và anh E.

[2] Về nội dung: Chị Võ Thị Ngọc T yêu cầu Toà án cho ly hôn với anh Nguyễn Văn E và giành quyền nuôi con. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Võ Thị Ngọc T với anh Nguyễn Văn E là hôn nhân hoàn toàn hợp pháp (hai người có đăng ký kết hôn). Kết hôn trên cơ sở tự nguyện, thời gian đầu hai vợ chồng sống hạnh phúc. Đến cuối năm 2015 hai bên phát sinh mâu thuẫn, bất đồng về quan điểm sống, không hạnh phúc trong tình cảm vợ chồng. Hai người ly thân với nhau từ tháng 12/2015, thời gian ly thân vợ chồng không ai tới lui, chăm sóc nhau. Chị T kiên quyết yêu cầu ly hôn cho thấy tình trạng hôn nhân của hai người đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị T yêu cầu được ly hôn với anh E là có căn cứ được quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Cháu Nguyễn Ngọc Ka T1 (nữ), sinh ngày 25/3/2012 đang sống cùng chị T. Việc trông nom, chăm sóc con chung là nghĩa vụ của cha mẹ. Tuy nhiên cháu T1 sống với chị T từ nhỏ và hiện nay cháu vừa tròn 06 tuổi và là nữ do đó rất cần sự chăm sóc và giáo dục của mẹ, chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi con, xét thấy chị T có đủ điều kiện nuôi con và yêu cầu này là có căn cứ được quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con nếu lạm dụng thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì quyền lợi hợp pháp của con, Tòa án có thể thay đổi người nuôi con, giải quyết việc cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con do chị T không yêu cầu nên anh E không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do chị T yêu cầu nên chị Thu phải chịu theo luật định.

[8] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 56 và khoản 1 Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14

ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chị Võ Thị Ngọc T.

2/ Về hôn nhân: Chị Võ Thị Ngọc T được quyền ly hôn với anh Nguyễn Văn E.

3/ Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc Ka T1 (nữ), sinh ngày 25/3/2012 cho chị Võ Thị Ngọc T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh Nguyễn Văn E không phải cấp dưỡng cho con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con. Vì quyền lợi hợp pháp của con, Tòa án có thể thay đổi người nuôi con, giải quyết việc cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật.

4/ Về tài sản chung và nợ chung: Chị Võ Thị Ngọc T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

5/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn chị Võ Thị Ngọc T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số AA/2015/0009509 ngày 01/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy chị T đã nộp xong án phí.

Án sơ thẩm được xét xử công khai báo cho các đương sự biết có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Hoàng

Nơi nhận:
-VKSND huyện Trần Đề;
-Chi cục THA huyện Trần Đề;
-TAND tỉnh Sóc Trăng (P.KTNV&THA);
-Các đương sự.
-UBND xã Trung Bình, huyện Trần Đề;
-Lưu HSVA.